

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020640	Trần Gia	An	30/06/2009			8.5	7.2				8.8		8.3
2	2454801020641	Nguyễn Thái	Bảo	29/05/2009			8.5	8.8				9.0		8.9
3	2454801020642	Chương Hải	Đăng	05/09/2009			8.5	7.2				8.5		8.2
4	2454801020643	Mo Ha Med A Ry	Fine	03/07/2009			9.5	8.0				8.5		8.5
5	2454801020644	Nguyễn Lý Phước	Hậu	01/11/2009			10	8.0				9.3		9.0
6	2454801020645	Hiếu Văn Huy	Hoàng	29/08/2009			8	8.0				8.8		8.5
7	2454801020646	Lê Hoàng	Kha	21/10/2009			10	7.2				9.0		8.7
8	2454801020647	Trần Minh	Kha	09/05/2009			9.5	7.6				8.3		8.3
9	2454801020648	Trần Huy	Khang	20/03/2009			7.5	4.8				5.8		5.8
10	2454801020649	Bùi Quang	Long	20/04/2009			7	4.8				7.0		6.4
11	2454801020650	Dương Hoàng	Long	04/08/2000			10	8.8				8.5		8.8
12	2454801020651	Phạm Minh	Long	04/06/2009			8	7.2				7.8		7.7
13	2454801020652	Nguyễn Quang	Minh	18/05/2009			9.5	6.4				8.3		8.0
14	2454801020653	Lê Nhật	Nam	11/04/2009			9	6.8				8.0		7.8
15	2454801020654	Nguyễn Thị Trường	Nghi	11/10/2009			9	8.0				8.5		8.4
16	2454801020655	Nguyễn Khôi	Nguyễn	01/09/2009			9.5	5.6				8.3		7.7
17	2454801020656	Ngô Minh	Nhật	25/03/2009			9.5	7.5				7.5		7.8
18	2454801020657	Ngô Nguyễn Tiến	Phát	18/07/2009			6.5	6.0				7.5		7.0
19	2454801020658	Lê Hoàng	Quân	11/09/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
20	2454801020659	Lê Nguyễn Hoàng	Quân	14/02/2005			0	0.0				0.0	0.0	0.0
21	2454801020660	Lê Nguyễn Việt	Thái	15/04/2009			8	7.6				6.5		7.0
22	2454801020661	Lý Toàn	Thắng	30/04/2009			8	6.4				7.0		7.0
23	2454801020662	Phan Chí	Thiện	08/12/2009			8.5	6.4				8.8		8.1
24	2454801020663	Thái Bảo	Thịnh	25/08/2009			9.5	6.8				7.0		7.3
25	2454801020664	Châu Nguyễn Huy	Thông	27/09/2009			5.5	6.4				5.0		5.4
26	2454801020665	Nguyễn Viễn	Thông	15/07/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
27	2454801020666	Lưu Huỳnh Quang	Thuận	12/09/2009			9.5	7.6				6.5		7.2
28	2454801020667	Trần Trung	Tín	04/10/2009			8.5	8.0				6.8		7.3
29	2454801020668	Huỳnh Thành	Tính	07/04/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
30	2454801020669	Huỳnh Văn	Trí	06/12/2009			9.5	7.2				7.3		7.6
31	2454801020670	Nguyễn Minh	Triết	02/03/2009			8	4.0				0.0		2.1
32	2454801020671	Dương Quốc	Trung	18/02/2009			10	7.2				0.0		3.3
33	2454801020672	Nguyễn Hoàng	Tỷ	18/08/2009			9	5.6				7.0		6.9
34	2454801020673	Nguyễn Quang	Vinh	29/04/2009			7	4.0				7.5		6.5
35	2454801020674	Nguyễn Trường	Vũ	30/04/2008			8	6.0				7.3		7.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi